

**CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MINH KHÁNH LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM MINH KHÁNH LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH KHANH LONG FOOD LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINH KHANH LONG FOOD CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109537931

**3. Ngày thành lập:** 04/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 4, ngõ 22 phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0888151618

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm bán lẻ thuốc lá, thuốc lào)       | 4711        |
| 2.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                   | 1050        |
| 3.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                               | 1104        |
| 4.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4723(Chính) |
| 5.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh như cà phê bột, cà phê hòa tan.                   | 4722        |
| 6.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ<br>(Trừ Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ)                   | 4781        |
| 7.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4721        |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                    | 4632        |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                      | 4633        |
| 10. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                          | 4690        |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác | 4719        |
| 12. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                      | 5610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                        | 5621 |
| 14. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5629 |
| 15. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5630 |
| 16. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5510 |
| 17. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7710 |
| 18. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7911 |
| 19. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7912 |
| 20. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                                                                           | 1075 |
| 21. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Rang và lọc cà phê;<br>- Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc;<br>- Sản xuất các chất thay thế cà phê;                                                             | 1079 |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động của các đấu giá viên;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                          | 4610 |
| 23. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các hàng hóa theo quy định của pháp luật (Điều 28 Luật Thương mại 2005)                                                                                         | 8299 |
| 25. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục                                                                                                                                                                                                                                            | 8560 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>- Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;<br>- Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt). | 4931 |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                         | 4932 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng).                                                                                                             | 4933 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Logistics (Điều 4, Nghị định 163/2017/NĐ-CP quy định về kinh doanh dịch vụ Logistics)                                                                                                                 | 5229 |
| 30. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất (Điều 62, Điều 74 Luật Kinh Doanh bất động sản 2014);<br>- Sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 Luật Kinh doanh bất động sản 2014) | 6820 |
| 31. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế và tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                           | 7020 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ ĐỨC THỤ         | Số nhà 4, ngõ 22 phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 300.000.000           | 30,000    | 036086007139                                                                                                                                      |         |
| 2   | LƯƠNG VŨ THIỀU HOA | Số nhà 4, ngõ 22 phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 700.000.000           | 70,000    | 036187009811                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LƯƠNG VŨ THIỀU HOA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/01/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036187009811

Ngày cấp: 01/10/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 4, ngõ 22 phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 4, ngõ 22 phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội